

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày: 28 - 02- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/Phan Thị Duy L, Sinh ngày 05.11.1984, tại Quảng Nam

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 25, phường P, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông

Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị Ng (đều còn sống); Gia đình có năm anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Chồng: Lê Quốc K; Có 03 con (lớn nhất 16 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi)

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 03/7/2019, bị Đoàn Biên phòng Sơn Trà, TP.Đà Nẵng xử lý hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Nhân thân: Ngày 12/7/2019, bị TAND Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 2 Điều 248 BLHS 1999 (Bản án sơ

thẩm số 54/2019/HSST ngày 12/7/2019 của TAND Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng) hiện chưa chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2019- Có mặt tại phiên tòa.

2/Lê Quốc K, Sinh ngày 01.9.1986, tại Đà Nẵng

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 23, phường AT, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông.

Trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lê Đức H1 và bà Mai Thị H2 (đều còn sống); Có vợ: Phan Thị Duy L ; Có 03 con (lớn nhất 12 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi);

Tiền án: Ngày 17/9/2019, bị TAND Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng xử phạt 03 tháng 7 ngày tù về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 BLHS 2015 (Bản án sơ thẩm số 84/2019/HSST ngày 17/9/2019 của TAND Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng); chấp hành xong hình phạt chính ngày 14/8/2019, chưa chấp hành hình phạt bổ sung và án phí.

Tiền sự: Ngày 30/10/2018, bị UBND P.AH, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng xử lý hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép”;

Nhân thân: Năm 2013, bị TAND Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại Khoản 1 Điều 257 BLHS 1999 tại Bản án số 07/2003/HSST ngày 04/02/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2019- Có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác: không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 26/9/2019, tại khu vực đối diện quán Karaoke E thuộc tổ 08, P.M, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng, trong lúc Lê Quốc K và Phan Thị Duy L đang chuẩn bị bán trái phép chất ma túy cho một nam thanh niên thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng bắt quả tang. Riêng nam thanh niên đã bỏ chạy không bắt được. Tang vật thu giữ của:

- Lê Quốc K: 01 gói nylon bên trong chứa 06 viên nén màu cam và 02 gói nylon chứa chất tinh thể trắng cách chỗ Khánh đứng 03m và 01 ĐTDD hiệu Oppo màu xanh, sim số: 0935646109; số Imel: 863880047207858;

- Phan Thị Duy L: 01 ĐTDD hiệu Oppo màu đen, sim số: 09774570519; số Imel: 864182040753734; 01 ĐTDD hiệu Oppo màu vàng nhạt, sim số: 0766724789, số Imel: 867939046644770 và 3.000.000 đồng;

Đến 01 giờ 35 phút ngày 27/9/2019, khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Thị Duy L tại K231 đường N, phường P, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng không thu giữ được gì.

* Tại Kết luận giám định ma túy số 276/MT ngày 02.10.2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Đà Nẵng kết luận: Mẫu ký hiệu H1 được phân thành: 06 viên nén màu cam được ký hiệu H1a; tinh thể màu trắng trong 02 gói nylon được ký hiệu H1b. Kết quả:

+ Viên nén màu cam ký hiệu H1a gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu H1a: 2,232 gam;

+ Tinh thể trắng trong 02 gói nylon ký hiệu H1b gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; trọng lượng mẫu H1b: 1,265 gam.

Qua điều tra, Phan Thị Duy L và Lê Quốc K đã khai nhận việc mua bán trái phép chất ma túy trước đó như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 26/9/2019, tại khu vực đối diện Bệnh viện quận Sơn Trà, thuộc tổ 23 P.AT, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng, Phan Thị Duy L sử dụng điện thoại sim số 0774570519 gọi cho một người tên T (không rõ nhân thân lai lịch) mua 11 viên ma túy (thuốc lắc) và 02 gói ma túy (Ketamine) với giá 5.700.000 đồng nhưng chưa trả tiền nhằm mục đích bán lại kiếm lời. Sau đó, L cất giấu ma túy trong túi xách, mang theo bên người. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, trong lúc L và chồng là Lê Quốc K đang ăn tối tại quán Nthuộc tổ 23, P.AT, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng. L nhận được điện thoại từ số 0901175349 của một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) gọi vào số 0774570519 của L hỏi mua 05 viên ma túy (thuốc lắc). L đồng ý bán với giá 2.000.000 đồng và hẹn giao ma túy tại khu vực phía trước quán Nhấn Nướng. Khi nam thanh niên mua ma túy đến điểm hẹn, L đưa cho K 05 viên ma túy (thuốc lắc) để trong vỏ bao thuốc lá đem ra giao cho người mua và nhận tiền. K cầm số ma túy L đưa ra khu vực phía trước quán Ngiao cho nam thanh niên trên và nhận 2.000.000 đồng rồi đưa cho L. Số tiền này, L đã trả lại cho T ngay sau đó.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, nam thanh niên mua ma túy nói trên tiếp tục điện thoại cho L hỏi mua thêm 06 viên ma túy (thuốc lắc) và 02 gói ma túy (Ketamine). L đồng ý bán với giá 6.400.000 đồng và hẹn đến quán Karaoke E, thuộc P.M, Q.Ngũ Hành Sơn để giao ma túy. Sau đó, L cùng K bắt taxi đến trước quán Karaoke E. Tại đây, L đưa cho K một gói nylon bên trong chứa 06 viên ma túy (thuốc lắc) và 02 gói ma túy (Ketamine), nói K đặt lên vỉa hè, khi người mua ma túy đến thì chỉ vị trí đặt ma túy để người mua đến lấy và nhận tiền. K cầm gói nylon bên trong chứa ma túy L đưa đặt xuống vỉa hè cách vị trí L, K đứng khoảng 03m, còn L điện thoại cho người mua ma túy đến gặp K, trong lúc đang giao ma túy thì bị Cơ quan CSĐT Công an Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng bắt quả tang như đã nêu trên.

Quá trình điều tra Phan Thị Duy L và Lê Quốc K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS-NHS, ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Phan Thị Duy L và Lê Quốc K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phan Thị Duy L và Lê Quốc K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đối với khai nại của bị cáo K tại phiên tòa về việc tráo đổi 05 viên ma túy giả trong lần mua bán thứ nhất cũng như việc đề nghị hoãn phiên tòa trả hồ sơ điều tra lại của bị cáo K là không có căn cứ, không phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi mua bán ma túy của bị cáo K, bị cáo L trong lần thứ nhất đã hoàn thành và đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Mua bán trái phép chất ma túy” theo hướng dẫn tại điểm 3.3 mục 3 Phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và hướng dẫn tại Điều 1 của Thông tư số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 nên Cáo trạng số 11/CT-VKS-NHS, ngày 17/01/2020 đã truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra các bị cáo L và K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo K thay đổi lời khai, quanh co chối tội đối với hành vi mua bán ma túy lần thứ nhất của mình. Do vậy đề nghị HĐXX chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo L; không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo K.

Từ những cơ sở trên, Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Thị Duy L mức án từ 8 năm 6 tháng đến 9 năm tù. Và áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của Bản án số 54/2019/HSST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng đối với bị cáo L.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Quốc K mức án từ 8 năm 6 tháng đến 9 năm tù.

Về vật chứng:

- Đề nghị tiêu hủy: 01 gói nylon bên trong chứa 06 viên nén màu cam (ký hiệu H1a) và 02 gói nylon chứa chất tinh thể trắng (ký hiệu H1b). Các gói niêm phong ký hiệu: H1a, H1b được niêm phong, đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng (là mẫu giám định hoàn trả).

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 ĐTDĐ hiệu Oppo màu đen, số Imel: 864182040753734 thu giữ của Phan Thị Duy L;

- Đề nghị tiêu hủy sim điện thoại số: 0774570519 thu giữ của Phan Thị Duy L;

- Đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của Phan Thị Duy L để đảm bảo thi hành án.

- Đề nghị trả lại cho: Phan Thị Duy L 01 ĐTDĐ hiệu Oppo, màu vàng, sim số 0766724789, số Imel 867939046644770 và Lê Quốc K 01 ĐTDĐ hiệu Oppo, màu xanh, sim số 0935646109, số Imel 863880047207858, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với người thanh niên tên T và nam thanh niên có hành vi mua bán ma túy với L, K hiện không xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tiếp tục xác minh, điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Về thủ tục tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người chứng kiến không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo Phan Thị Duy L và Lê Quốc K đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1.1] Khoảng 22 giờ 45 ngày 26/9/2019 tại khu vực trước quán Karaoke E thuộc tổ 08, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng, trong lúc Phan Thị Duy L và Lê Quốc K đang chuẩn bị bán 2,232 gam ma túy loại MDMA và 1,265

gam ma túy loại Ketamine cho một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) thì bị bắt quả tang.

[2.1.2] Hành vi trên của các bị cáo Phan Thị Duy L và Lê Quốc K đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 11/CT-VKS-NHS ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thị Duy L và Lê Quốc K thì thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Thị Duy L và Lê Quốc K là nghiêm trọng. Mặc dù biết rõ tác hại của ma túy và pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố tình mua bán trái phép ma túy. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tới chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, hủy hoại sức khỏe con người. Hành vi trên của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân trên địa bàn TP. Đà Nẵng nói chung và trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn nói riêng; hành vi phạm tội của các bị cáo L và K là rất nguy hiểm, xem thường pháp luật, các bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm minh.

[2.3] Xét về hành vi phạm tội; vai trò; nhân thân và **tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ** của từng bị cáo thì thấy:

[2.3.1] Phan Thị Duy L và Lê Quốc K cùng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo Phan Thị Duy L là người có vai trò chính trong vụ án, lẽ ra bị cáo phải ý thức được pháp luật cũng như tác hại và nguy hiểm của chất ma túy mà Nhà nước đã ban hành các văn bản nhằm tuyên truyền phòng, chống ma túy cả về chiều rộng lẫn chiều sâu nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của ma túy, nhưng bị cáo đã không thấy được tác hại của ma túy để tránh xa, chính bị cáo đã trực tiếp mua ma túy từ đối tượng tên T rồi cùng chồng là Lê Quốc K về bán nhiều lần; bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy là tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo L là rất nguy hiểm, xem thường pháp luật. Bản thân bị cáo có 01 tiền sự (vào ngày 03/7/2019, bị Đoàn Biên phòng Sơn Trà, TP.Đà Nẵng xử lý hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”) và nhân thân xấu: Vào ngày 12/7/2019, bị cáo L đã bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP.Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án sơ thẩm số 54/2019/HSST ngày 12/7/2019 của TAND Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng; bị cáo L kháng cáo và sau đó có đơn rút yêu cầu kháng cáo nên ngày 01/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã đình chỉ xét xử phúc thẩm tại Bản án phúc thẩm

số 187/2019/HSPT, trong thời gian bị cáo L chưa chấp hành hình phạt được tuyên tại Bản án của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà và chưa có kết quả giải quyết của Bản án phúc thẩm thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt nghiêm minh, xử cách ly bị cáo L ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Song xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt hai bản án của Bản án số 54/2019/HSST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP.Đà Nẵng đối với bị cáo L.

[2.3.2] Đối với Lê Quốc K, bị cáo là người trực tiếp bán ma túy, do muốn có tiền tiêu xài nên khi có đối tượng nghiện gọi điện để hỏi mua ma túy từ bị cáo L, bị cáo K đã cùng bị cáo L dùng số ma túy L đã mua từ đối tượng tên T để bán lại nhằm mục đích để kiếm lời, bị cáo không giữ vai trò chính trong vụ án này nhưng bị cáo K là người trực tiếp thực hiện hành vi giao ma túy cho người mua. Bị cáo đã cùng bị cáo L 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy là tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó bản thân bị cáo K có 01 tiền án, 01 tiền sự và nhân thân xấu. Về tiền án: Ngày 17/9/2019, bị TAND Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng bị cáo K bị xử phạt 03 tháng 7 ngày tù về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 BLHS 2015 (Bản án sơ thẩm số 84/2019/HSST ngày 17/9/2019 của TAND Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng); bị cáo mới chỉ chấp hành xong hình phạt chính ngày 14/8/2019, chưa chấp hành hình phạt bổ sung và án phí, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên căn cứ quy định tại Điều 70; điều 53 BLHS cần áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại Điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo K; về tiền sự: Ngày 30/10/2018, bị UBND P.AH, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng xử lý hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép”; về nhân thân: Năm 2013, bị TAND Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại Khoản 1 Điều 257 BLHS 1999 nhưng bị cáo không lấy đó làm gương mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe các đối tượng khác có hành vi tương tự là phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần thủ tục xét hỏi, tranh luận và nói lời nói sau cùng bị cáo K thừa nhận hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy đối với lần giao thứ hai là 06 viên ma túy (thuốc lắc) và 02 gói ma túy (Ketamine) tại vị trí trước quán Karaoke E. Tuy nhiên, đối với lần bán ma túy thứ nhất thì bị cáo K cho rằng đối với 05 viên ma túy (thuốc lắc) để trong vỏ bao thuốc lá được K

giao cho nam thanh niên mua ma túy tại khu vực phía trước quán Nvà nhận số tiền 2.000.000đ từ nam thanh niên này thật ra đã bị K tráo đổi bằng ma túy giả là 05 viên thực phẩm chức năng trước khi đưa cho nam thanh niên trên, bị cáo K khai nại mình giao 05 viên ma túy giả nên bị cáo không phạm tội mua bán ma túy trong lần này. Do vậy, bị cáo K đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa và trả hồ sơ để điều tra lại. HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận khai nại cũng như các đề nghị nêu trên của bị cáo K bởi các lý do sau:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại các đơn trình bày, các Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung bị can của các bị cáo K (từ Bút lục số 108 đến Bút lục số 126), bị cáo L (cũng là vợ của bị cáo K - từ Bút lục số 81 đến Bút lục số 97) thì các bị cáo đều thừa nhận trong ngày 26/9/2019 bị cáo L và bị cáo K đã cùng thực hiện 02 lần hành vi bán ma túy cho 1 nam thanh niên tại khu vực phía trước quán Nvà trước quán Karaoke E như nội dung đã nêu tại Cáo trạng số 11/CT-VKS-NHS ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn. Tại phiên tòa, qua thẩm vấn công khai của HĐXX các bị cáo L và K đều xác định các lời khai, trình bày của mình có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, mớm cung. Bị cáo L cũng xác định 05 viên ma túy (thuốc lắc) mà bị cáo đã đưa cho bị cáo K để giao cho đối tượng nam thanh niên vào lần thứ nhất là số ma túy được bị cáo L lấy trong số 11 viên ma túy mà bị cáo đã mua từ đối tượng tên T, đã được kết luận theo nội dung Kết luận giám định ma túy số 276/MT ngày 02.10.2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Đà Nẵng thì các viên nén màu cam được giám định là ma túy loại MDMA.

Tại phiên tòa, bị cáo K thay đổi lời khai và cho rằng 05 viên ma túy (thuốc lắc) sau khi được bị cáo nhận từ vợ là bị cáo L thì K đã tráo đổi thành 05 viên ma túy giả là viên thực phẩm chức năng để đưa cho đối tượng nam thanh niên mua ma túy, còn 05 viên ma túy thật thì bị cáo K cất giấu sử dụng. Tuy nhiên, bị cáo cũng khai nhận việc tráo đổi nêu trên của mình không ai chứng kiến, chỉ mình bị cáo biết; tại phiên tòa cả L và K đều xác nhận sau khi nam thanh niên mua xong ma túy lần đầu thì lại tiếp tục hẹn mua lần thứ hai mà không có ý kiến gì về chất lượng của ma túy mà K đã giao; quá trình bắt quả tang và điều tra Cơ quan điều tra cũng không thu giữ được 05 viên ma túy này do vậy căn cứ vào các lời khai của chính bị cáo có trong hồ sơ vụ án; lời khai của bị cáo L cũng như Kết luận giám định ma túy số 276/MT ngày 02.10.2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Đà Nẵng đối với 06 viên nén màu cam bị thu giữ trong lần giao thứ 2 (trong 11 viên ma túy mà bị cáo L mua từ đối tượng tên T) đã được xác định là ma túy, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận khai nại của bị cáo K 05 viên ma túy được giao lần thứ nhất được bị cáo tráo đổi thành ma túy giả.

Căn cứ vào cấu thành hành vi phạm tội của bị cáo K trong lần thứ nhất thì thấy: Bị cáo K biết bị cáo L bán ma túy, bị cáo tự nguyện cùng L bán ma túy, khi bị cáo L đưa 05 viên ma túy trong gói thuốc lá cho bị cáo K thì bị cáo đã giao 05

viên ma túy cho đối tượng nam thanh niên và bị cáo K đã nhận lại số tiền 2.000.000đ từ đối tượng mua ma túy để giao cho bị cáo L. Hành vi mua bán ma túy của bị cáo K đã hoàn thành. Căn cứ quy định tại điểm 3.3 mục 3 Phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 và hướng dẫn tại Điều 1 của Thông tư số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015: “*Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác địnhthì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng*”, do vậy hành vi của Lê Quốc K đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định nêu trên, do bị cáo K và bị cáo L đã thực hiện 02 lần hành vi mua bán ma túy trong ngày 26/9/2019 nên việc Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn truy tố bị cáo K và bị cáo L tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 11/CT-VKS-NHS ngày 17/01/2020 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ của bị cáo K: Trong quá trình điều tra, bị cáo K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối tụy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K thay đổi lời khai, quanh co chối tội do vậy HĐXX không có căn cứ để áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được.

[2.3.3] Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Phan Thị Duy L và Lê Quốc K thuộc trường hợp đồng phạm, được quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên giữa các bị cáo không có tổ chức phân công rõ ràng vai trò công việc cụ thể; không có sự cấu kết chặt chẽ về hành vi phạm tội nên đây là chỉ đồng phạm giản đơn.

[2.4] Đối với người thanh niên tên T và nam thanh niên có hành vi mua bán ma túy với L; K hiện không xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tiếp tục xác minh, điều tra, làm rõ và xử lý sau là phù hợp nên HĐXX không đề cập.

[2.5] Xét về vật chứng:

Đối với 01 gói nylon bên trong chứa 06 viên nén màu cam (ký hiệu H1a) và 02 gói nylon chứa chất tinh thể trắng (ký hiệu H1b). Các gói niêm phong ký hiệu: H1a, H1b được niêm phong, đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng (là mẫu giám định hoàn trả) là vật chứng của vụ án. Xét cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với sim điện thoại số: 0774570519 thu giữ của Phan Thị Duy L, sim này bị cáo L sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, dùng khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Oppo màu đen, số Imel: 864182040753734 thu giữ của Phan Thị Duy L sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đây là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội. Xét thấy cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng là tiền cá nhân của Phan Thị Duy L không liên quan đến hành vi phạm tội nên tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Oppo, màu vàng, sim số 0766724789, số Imel 867939046644770 của Phan Thị Duy L và 01 ĐTDĐ hiệu Oppo, màu xanh, sim số 0935646109, số Imel 863880047207858 của Lê Quốc K, do không liên quan đến hành vi phạm tội. Xét thấy cần trả lại cho bị cáo Phan Thị Duy L và Lê Quốc K.

Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/01/2020 và Giấy ủy nhiệm chi ngày 04/02/2020.

[2.6] Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[2.7] Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Phan Thị Duy L và bị cáo Lê Quốc K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 251; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quốc K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc K 8 năm 6 tháng (tám năm sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 26/9/2019.

-Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Duy L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Duy L 8 năm 6 tháng (tám năm sáu tháng) tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Phan Thị Duy L chấp hành 09 tháng tù tại Bản án số 54/2019/HSST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án bị cáo Phan Thị Duy L phải chấp hành là **9 năm 3 tháng** (chín năm ba tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 26/9/2019.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tuyên tịch thu tiêu hủy :01 gói nylon bên trong chứa 06 viên nén màu cam (ký hiệu H1a) và 02 gói nylon chứa chất tinh thể trắng (ký hiệu H1b). Các gói niêm phong ký hiệu: H1a, H1b được niêm phong, đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng (là mẫu giám định hoàn trả) là vật chứng của vụ và sim điện thoại số: 0774570519 thu giữ của bị cáo Phan Thị Duy L.

-Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 ĐTDĐ hiệu Oppo màu đen, số Imel: 864182040753734 thu giữ của bị cáo Phan Thị Duy L.

-Tuyên trả lại cho: Bị cáo Phan Thị Duy L 01 ĐTDĐ hiệu Oppo, màu vàng, sim số 0766724789, số Imel 867939046644770 và bị cáo Lê Quốc K 01 ĐTDĐ hiệu Oppo, màu xanh, sim số 0935646109, số Imel 863880047207858.

- Tuyên tiếp tục quy trữ số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Phan Thị Duy L để đảm bảo thi hành án .

Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/01/2020 và Giấy ủy nhiệm chi ngày 04/02/2020.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Thị Duy L, bị cáo Lê Quốc K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/02/2020.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THA quận Ngũ Hành Sơn;
- Công an trại tạm giam TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

